

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀ AN
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2018/HS-ST

Ngày: 19-6-2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀ AN - CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nông Công Hưng

Các hội thẩm nhân dân: Bà Sầm Thị Anh

Ông Hoàng Hữu

- Thư ký phiên toà: Bà Lý Hồng Hạnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hoà An, Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoà An, Cao Bằng tham gia phiên toà: Ông Phạm Mỹ An - Kiểm sát viên.

Ngày 19/6/2018 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hoà An, Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 11/2018/TLST-HS ngày 22 tháng 5 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2018/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 6 năm 2018 đối với bị cáo: **Nông Văn T**; sinh ngày 04 tháng 02 năm 1970 tại Xã B, huyện H, tỉnh Cao Bằng;

Nơi cư trú: Xóm P, Xã B, huyện H, tỉnh Cao Bằng.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn T1 (Đã chết) và bà Hứa Thị M; có vợ Vi Thị V và có 02 con; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 01/3/2018 đến ngày 09/3/2018; từ ngày 09/3/2018 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà Hà Thị H; sinh năm 1986

Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Cao Bằng; Có mặt.

- Những người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng:

+ Ông Hứa Văn K; sinh năm 1963

Nơi cư trú: Xóm P, xã L, huyện H, tỉnh Cao Bằng; Có mặt

+ Ông Trần Văn Đồng; sinh năm 1974

Nơi cư trú: Xóm P, xã L, huyện H, tỉnh Cao Bằng; Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Ngày 01/3/2018, Đội cảnh sát điều tra tội phạm về kinh tế và ma túy Công an huyện Hòa An đã phát hiện, bắt quả tang Nông Văn T đang trông coi đám rẫy thuốc phiện tại khu vực K, xóm P, Xã B, huyện H, tỉnh Cao Bằng do bị cáo T trồng từ khoảng tháng 9 năm 2017 (Âm lịch) với diện tích khoảng hơn 100m². Đến thời điểm bị bắt quả tang, các cây thuốc phiện đã lớn, chiều cao mỗi cây từ 20cm đến 50cm đang trong thời kì ra hoa và một số cây đã có quả với số lượng cây qua kiểm đếm là 1.296 (Một nghìn hai trăm chín mươi sáu) cây.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã làm rõ được trong khoảng thời gian từ năm 2015 đến năm 2017, bị cáo T đã 03 lần gieo trồng cây thuốc phiện. Cụ thể:

Lần thứ nhất, khoảng tháng 9 năm 2015 (Âm lịch) bị cáo T gieo trồng hạt giống cây thuốc phiện tại khu vực K với diện tích đất khoảng 50m² và một phần ở khu vực đất phù sa dọc bờ sông thuộc địa phận xóm P nhưng số cây mọc rất ít và chỉ thu hoạch được 12 cây thuốc phiện. Sau khi tiến hành thu hoạch vào tháng 02 năm 2016 (Âm lịch), bị cáo T thu được khoảng 03 chỉ thuốc phiện.

Lần thứ hai, khoảng tháng 9 năm 2016 (Âm lịch) bị cáo T tiếp tục gieo trồng hạt giống cây thuốc phiện tại khu vực K với diện tích đất khoảng 50m² nhưng sau khi thu hoạch không biết thu được bao nhiêu thuốc phiện vì bị cáo T không cân.

Lần thứ ba, khoảng tháng 9 năm 2017 (Âm lịch) bị cáo T tiếp tục gieo trồng hạt giống cây thuốc phiện tại khu vực K với diện tích đất khoảng 100m². Khi cây đang trong thời kỳ chuẩn bị thu hoạch thì bị cơ quan Công an phát hiện, bắt quả tang. Trong quá trình điều tra, cơ quan điều tra còn thu giữ các vật chứng có liên quan gồm 01 khẩu súng tự chế (súng săn), 01 cân tiểu ly, 01 túi đựng giống cây thuốc phiện, 01 chén thủy tinh, 01 thanh tre nhỏ và 01 dao nhỏ cán tre.

Ngoài mục đích trồng cây thuốc phiện để lấy nhựa làm thuốc chữa bệnh cho gia súc, gia cầm, bị cáo T còn được bán thuốc phiện cho người có nhu cầu. Kết quả điều tra cho thấy trong năm 2016 và 2017 bị cáo T đã 06 lần bán thuốc phiện cho Hứa Văn K (Sinh năm 1963) và Trần Văn Đ (Sinh năm 1974) cùng trú tại xóm P, xã L, huyện H, tỉnh Cao Bằng; Cụ thể: Khoảng tháng 4/2016, bị cáo T đã 02 lần bán thuốc phiện cho K nhưng do thời gian đã lâu nên không nhớ rõ về trọng lượng và số tiền thu được.

Từ tháng 3/2017 đến tháng 7/2017 (Âm lịch), bị cáo T bán thuốc phiện cho K 02 lần, mỗi lần trị giá 2.000.000đ (Hai triệu đồng); nhưng do lần mua thứ hai khi mang thuốc phiện về sử dụng thấy không đạt yêu cầu nên K đã đem trả lại cho bị cáo T và lấy lại tiền nên bị cáo T chỉ thu được số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Bị cáo T bán thuốc phiện cho Đ 02 lần, mỗi lần thu được số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

Tại Kết luận giám định số 1183/C54(TT2) ngày 09/3/2018 của Viện khoa học hình sự Tổng cục cảnh sát kết luận:

“Trong các mẫu cây gửi giám định đều có thành phần Morphine, Codeine, Narcotin (Noscapine), Thebain và Papaverin là các hoạt chất chính có trong cây thuốc phiện”.

Tại Kết luận giám định số 1221/C54(P3) ngày 09/3/2018 của Viện khoa học hình sự Tổng cục cảnh sát kết luận:

"Khẩu súng không có số hiệu gửi đến giám định là súng săn, không phải vũ khí quân dụng. Hiện tại súng sử dụng bắn được và khi bắn vào người gây sát thương (Chết hoặc bị thương)".

Bản cáo trạng số 11/CT-VKSHA ngày 08/5/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoà An, Cao Bằng đã truy tố bị cáo Nông Văn T về tội "Trồng cây thuốc phiện" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 247 và tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo về tội danh, nhưng có đề nghị thay đổi về việc áp dụng điều luật đối với tội "Mua bán trái phép chất ma túy" từ điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015 sang điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại bản luận tội được trình bày tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 247; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù về tội "Trồng cây thuốc phiện", từ 07 năm tù đến 07 năm 06 tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Đồng thời đề nghị áp dụng Điều 55 của Bộ luật hình sự 2015 để tổng hợp hình phạt.

Về việc xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 cân tiểu ly, 01 túi đựng giống cây thuốc phiện, 01 chén thủy tinh, 01 thanh tre nhỏ và 01 dao nhỏ cán tre là vật chứng của vụ án. Ngoài ra, Kiểm sát viên còn đề nghị buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa và trong quá trình tranh tụng, người bào chữa đã đưa ra quan điểm bào chữa cho bị cáo như sau: Cơ bản nhất trí với bản luận tội mà kiểm sát viên đã trình bày tại phiên tòa và nhất trí về việc thay đổi điều luật áp dụng đối với tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xem xét nhân thân, điều kiện sinh sống, trình độ học vấn, về mức độ nhận thức pháp luật của bị cáo có nhiều hạn chế; bị cáo đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải, thân nhân của bị cáo được nhà nước tặng thưởng huân, huy chương, đây là các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng mức hình phạt thấp nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Tại phần tranh luận, bị cáo không có ý kiến bổ sung đối với lời bào chữa của người bào chữa và không có ý kiến tranh luận với bản luận tội của Kiểm sát viên về tội danh cũng như mức hình phạt; tuy nhiên trong lời nói sau cùng, bị cáo có đưa ra ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc, xem xét cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất để sớm được trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hoạt động tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hòa An, của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã tuân thủ đúng về trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng và của người tham gia tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo đã thực hiện, tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi trồng cây thuốc phiện và mua bán trái phép chất ma túy của bị cáo; lời khai nhận của bị cáo là phù hợp với lời khai của những người làm chứng và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, qua đó đã xác định được từ năm 2015 đến năm 2017, bị cáo T đã tự trồng cây thuốc phiện tại khu vực K để lấy nhựa làm thuốc chữa bệnh và bán cho người có nhu cầu. Số nhựa thuốc phiện thu hoạch được trong năm 2016, 2017, bị cáo T đã bán cho Hứa Văn K và Trần Văn Đ tổng cộng 06 lần, trong đó bán cho K 04 lần và Đ 02 lần.

Cây thuốc phiện là cây có chứa chất ma túy mà Nhà nước có chính sách loại bỏ, nghiêm cấm việc trồng. Còn thuốc phiện là một dạng ma túy độc được gây nghiện Nhà nước độc quyền quản lý và nghiêm cấm mọi hành vi sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, mua bán, chiếm đoạt và sử dụng trái phép. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất

ma túy, xâm phạm trật tự, an toàn xã hội. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi trồng cây thuốc phiện và bán ma túy cho người khác là vi phạm pháp luật hình sự, nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện với mục đích vụ lợi.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa An, Cao Bằng truy tố bị cáo Nông Văn T về tội "Trồng cây thuốc phiện" và tội "Mua bán trái phép chất ma túy" là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị thay đổi việc áp dụng điều luật về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" là có căn cứ và đảm bảo nguyên tắc có lợi cho bị cáo nên được chấp nhận.

Từ những nhận định và các chứng cứ nêu trên đã có đầy đủ căn cứ để kết luận bị cáo Nông Văn T phạm tội "Trồng cây thuốc phiện" và tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

[3] Đối với hành vi trồng cây thuốc phiện, với số lượng cây thuốc phiện đã bị thu giữ là 1.296 cây thì bị cáo đã phạm tội thuộc trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 247 Bộ luật hình sự năm 2015.

[4] Đối với hành vi bán thuốc phiện nhiều lần, cho nhiều người; thời gian thực hiện hành vi bán thuốc phiện trong năm 2017 thì bị cáo phạm tội thuộc trường hợp quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999 với tình tiết định khung tăng nặng là "Phạm tội nhiều lần".

[5] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng đối với tội "Trồng cây thuốc phiện" thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo và tỏ rõ sự ăn năn, hối cải; cha, ông của bị cáo là người có công với nước đã được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất và Huân chương chiến công hạng ba; bị cáo có trình độ học vấn thấp, gia đình thuộc hộ cận nghèo cư trú tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015; Tuy nhiên, với số lượng cây thuốc phiện bị cáo đã trồng là 1.296 cây là tương đối lớn, do vậy cần áp dụng mức hình phạt trên mức khởi điểm của khung hình phạt về tội này là tương xứng với mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo. Đối với tội "Mua bán trái phép chất ma túy" thì bị cáo cũng được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, do vậy áp dụng hình phạt ở mức khởi điểm của khung hình phạt là tương xứng với mức độ phạm tội mà bị cáo đã thực hiện.

Ngoài hình phạt chính, tại khoản 3 Điều 247 Bộ luật hình sự năm 2015 và khoản 5 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 còn quy định hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với người phạm các tội danh này. Xét thấy bị cáo là người làm

nông nghiệp, không có thu nhập ổn định, gia đình thuộc hộ cận nghèo nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Đối với bà Vi Thị V là vợ của bị cáo T có biết bị cáo trồng cây thuốc phiện nhưng không biết việc bị cáo bán thuốc phiện cho người khác; bản thân bà đã nhiều lần khuyên bảo, ngăn cản hành vi của chồng nhưng không được và bà cũng không tham gia vào việc trồng, chăm sóc cây thuốc phiện. Cơ quan công an huyện Hòa An đã áp dụng biện pháp nhắc nhở mà không xử lý hình sự đối với bà Vi Thị V là phù hợp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với Hứa Văn K và Trần Văn Đ là những người được mua thuốc phiện với bị cáo T để sử dụng cho bản thân nên cơ quan Cảnh sát điều tra đã áp dụng biện pháp xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức cảnh cáo về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về việc xử lý vật chứng:

- Đối với 01 súng tự chế đã thu giữ tại nơi ở của bị cáo T, Cơ quan điều tra đã xử lý theo đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét;

- Đối với 01 cân tiểu ly có vỏ đựng bằng gỗ, 01 túi đựng giống cây thuốc phiện, 01 chén thủy tinh, 01 thanh tre nhỏ và 01 dao nhỏ cán tre. Đây đều là những công cụ, phương tiện phạm tội của bị cáo nên cần tịch thu, tiêu hủy.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 247; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với bị cáo.

1. Tuyên bố: Bị cáo Nông Văn T phạm tội: "Trồng cây thuốc phiện" và tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Xử phạt bị cáo Nông Văn T 09 (Chín) tháng tù về tội "Trồng cây thuốc phiện" và 07 (Bảy) năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Tổng hợp hình phạt của hai tội danh là 07 (Bảy) năm 09 (Chín) tháng tù; Nhưng được trừ đi thời gian bị tạm giữ từ ngày 01/3/2018 đến ngày 09/3/2018 là 09 ngày nên bị cáo còn phải chấp hành 07 (Bảy) năm 08 (Tám) tháng 21 (Hai

mười một) ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

2. Về việc xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy:

- 01 cân tiểu ly, có vỏ đựng bằng gỗ;
- 01 phong bì thư đã được niêm phong bên trong đựng các hạt giống màu đen;
- 01 ly thủy tinh;
- 01 thanh tre;
- 01 dao nhỏ cán tre.

Vật chứng của vụ án đang được quản lý tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa An, Cao Bằng theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 14/5/2018.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án

Bị cáo Nông Văn T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người bào chữa của bị cáo;
- Công an huyện Hòa An;
- VKSND huyện Hoà An;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Chi cục THADS Hòa An;
- TAND tỉnh Cao Bằng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nông Công Hưng